Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7201.50.00

Mã HS	7201.50.00
Mô tả hàng hóa	Gang thỏi và, gang kính ở dạng thỏi, dạng khối hoặc dạng thô khác / - Gang thỏi hợp kim; gang kính
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:32:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/72015000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10943
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10943
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10943
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10943
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10249
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10200
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10200
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10200
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10200
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10200
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10200
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10252
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10252

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10252
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10252
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10252
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10252
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10253
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10253
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10253
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10253
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10253
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10253
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10254
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10206
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10212
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10212
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10212
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10212
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10212
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10212
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10237
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10237
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10237
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10237
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10237
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10237
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10290
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10290
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10290
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10290
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10290
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10275
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10275
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10275
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10275
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10275
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10275
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10275
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10275
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10275
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10275
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10275
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10275
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10292
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10292
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10292
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10292
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10292
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10292
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10291
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10291
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10291
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10291
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10291
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10232
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10232
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10232
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10232
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10232
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10232
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10232
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10269
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10269
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10269
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10269
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10269
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10269
RCEP B	2022	2022	0	B!D10269
RCEP B	2023	2023	0	B!E10269
RCEP B	2024	2024	0	B!F10269
RCEP B	2025	2025	0	B!G10269
RCEP B	2026	2026	0	B!H10269
RCEP B	2027	2027	0	B!I10269
RCEP C	2022	2022	0	C!D10269
RCEP C	2023	2023	0	C!E10269
RCEP C	2024	2024	0	C!F10269
RCEP C	2025	2025	0	C!G10269
RCEP C	2026	2026	0	C!H10269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10269
RCEP D	2022	2022	0	D!D10268
RCEP D	2023	2023	0	D!E10268
RCEP D	2024	2024	0	D!F10268
RCEP D	2025	2025	0	D!G10268
RCEP D	2026	2026	0	D!H10268
RCEP D	2027	2027	0	D!I10268
RCEP E	2022	2022	0	E!D10272
RCEP E	2023	2023	0	E!E10272
RCEP E	2024	2024	0	E!F10272
RCEP E	2025	2025	0	E!G10272
RCEP E	2026	2026	0	E!H10272
RCEP E	2027	2027	0	E!I10272
RCEP F	2022	2022	0	F!D10269
RCEP F	2023	2023	0	F!E10269
RCEP F	2024	2024	0	F!F10269
RCEP F	2025	2025	0	F!G10269
RCEP F	2026	2026	0	F!H10269
RCEP F	2027	2027	0	F!I10269
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9493
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9493
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9493
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9493

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Hột và bột của gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt-cacbon chứa trên 6% nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác, sắt, thép. (Tham chiếu mã HS 8 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7201.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7201.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10943), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.